TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28.8.2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Hồng Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **La Minh Công**.

2. Ông **Lê Chánh Ngôn.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Ngọc Hiếu** – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Ri** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1986. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Nguyễn Sơn L** sinh năm: 1986. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà Nguyễn Thị S và ông Trịnh Nguyễn Sơn L sống chung với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Y, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2014, quyển số 01/2014 ngày 20.10.2014.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị S và ông Trịnh Nguyễn Sơn L hạnh phúc một thời gian đến tháng 11/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung vợ chồng nên thường xuyên cãi to tiếng với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và ông L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, hai người không còn sống chung từ tháng 11/2022 đến nay. Nay bà Nguyễn Thị S

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Nguyễn Sơn L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Trịnh Nguyễn Sơn L có với nhau 01 con chung: Trịnh Minh L1, sinh năm 2013. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2023 tại Tòa án, bị đơn ông Trinh Nguyễn Sơn L trình bày:

Ông Trịnh Nguyễn Sơn L và bà Nguyễn Thị S sống chung với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Y, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số số: 58/2014, quyển số 01/2014 ngày 20.10.2014

Ông Trịnh Nguyễn Sơn L thừa nhận quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị S hạnh phúc một thời gian đến tháng 11/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung nên vợ chồng xảy ra cãi vã to tiếng với nhau, do nóng giận ông L có những lời không hay đối với ba mẹ vợ và bà Nguyễn Thị S đuổi ông ra khỏi nhà nên ông L về nhà cha mẹ ruột ở phường Z, thành phố R sinh sống lâu lâu vào thăm con. Thời gian đó ông L cũng đã nhiều lần điện thoại, nhắn tin xin lỗi hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà Nguyễn Thị S không tha thứ và nộp đơn yêu cầu ly hôn. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị S, ông L không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ con mong muốn hàn gắn vợ chồng để lo cho con.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị S có với nhau 01 con chung: Trịnh Minh L1, sinh năm 2013. Trường hợp Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn, về con chung ông Trịnh Nguyễn Sơn L đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng ông L sẽ tự cấp dưỡng bên ngoài tuy vào khả năng tài chính của bản thân.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Trịnh Nguyễn Sơn L vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn, ông Trịnh Nguyễn Sơn L không đồng ý ly hôn. Xem xét tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị S và ông Trịnh Nguyễn Sơn L thấy rằng mâu thuẫn giữa ông bà không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị S. Về con chung: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trịnh Minh L1, sinh năm 2013. Quá trình giải quyết, ông Trịnh Nguyễn Sơn L cũng đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xem xét khả năng điều kiện nuôi con của bà Nguyễn Thị S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trịnh Minh L1, sinh năm 2013. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bà Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Trịnh Nguyễn Sơn L. Người bị kiện là ông Trịnh Nguyễn Sơn L có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Trịnh Nguyễn Sơn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trịnh Nguyễn Sơn L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Trịnh Nguyễn Sơn L và bà Nguyễn Thị S đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông bà nảy sinh theo như bà Nguyễn Thị S trình bày là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và ông L bỏ về nhà cha mẹ ruột để ở, hai người đã không còn sống chung từ tháng 11/2021 đến nay. Quá trình giải quyết, ông Trịnh Nguyễn Sơn L không đồng ý ly hôn.

Xem xét tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Trịnh Nguyễn Sơn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà S và ông L đã xảy ra mặc dù ông bà đã tìm nhiều cách hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và thực tế hiện nay, ông bà đã không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Quá trình giải quyết, ông L và bà S vẫn bất đồng, vẫn không hòa giải hàn gắn được với nhau. Tại phiên tòa ông Trịnh Nguyễn Sơn L vắng mặt, bà Nguyễn Thị S vẫn kiên quyết ly hôn, chứng tỏ ông bà không có thiện

chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị S là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trịnh Minh L1, sinh năm 2013. Quá trình giải quyết, ông Trịnh Nguyễn Sơn L cũng đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ông bà không sống chung với nhau, bà Nguyễn Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu L1 về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trịnh Minh L1, sinh năm 2013 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vấn đề cấp dưỡng, bà Nguyễn Thị S không yêu cầu ông Trịnh Nguyễn Sơn L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ: Không có.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị S.

Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Trịnh Nguyễn Sơn L.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trịnh Minh L1, sinh năm 2013.

Ông Trịnh Nguyễn Sơn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị S đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0013656 ngày 16.02.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2023). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Hồng Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND H;
- THADS H;
- UBND xã Y, HTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.